

**Bộ lọc tinh**  
**LFMB-1/2-D-MIDI-DA**  
Số bộ phận: 532822

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                   |
|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| Dòng                                                       | D                                                         |
| Kích thước                                                 | Midi                                                      |
| Cấu trúc xây dựng                                          | Bộ lọc sợi                                                |
| Độ mịn bộ lọc                                              | 1 µm                                                      |
| Cổng xả nước ngưng tụ                                      | xoay thủ công                                             |
| Áp suất vận hành                                           | 0.1 MPA...1.6 MPA<br>1 bar...16 bar<br>14.5 psi...232 psi |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [6:4:4]<br>Khí trơ           |
| Cấp độ sạch không khí tại đầu ra                           | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [5:4:3]<br>Khí trơ           |
| Lưu lượng tối đa bình thường cho cấp độ sạch của không khí | 1750 l/ph                                                 |
| Lưu lượng thông thường tối thiểu cho cấp độ sạch không khí | 500 l/ph                                                  |
| Hiệu quả lọc                                               | 99.99 %                                                   |
| Lượng nước ngưng tụ tối đa                                 | 43 cm <sup>3</sup>                                        |
| Bảo vệ vỏ                                                  | Giỏ bảo vệ kim loại                                       |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                    |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                                         |
| Nhiệt độ trung bình                                        | 1.5 °C...60 °C                                            |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -10 °C...60 °C                                            |
| Nhiệt độ bảo quản                                          | -10 °C...60 °C                                            |
| Mức độ lọc, các hạt mịn                                    | 99 %                                                      |
| Hàm lượng dầu dư                                           | 0.5 mg/m <sup>3</sup>                                     |
| Mức độ lọc sol khí hơi dầu                                 | 90 %                                                      |
| Hiển thị áp suất chênh lệch                                | Màn hình quang học                                        |
| Kiểu gắn                                                   | Lắp đặt đường dây<br>với phụ kiện<br>tùy ý:               |
| Vị trí lắp đặt                                             | dọc +/- 5°                                                |
| Cổng nối khí nén 1                                         | G1/2                                                      |
| Cổng nối khí nén 2                                         | G1/2                                                      |

| Đặc tính             | Giá trị              |
|----------------------|----------------------|
| Vật liệu vỏ          | Kém đúc áp lực<br>PC |
| Vật liệu bộ lọc      | Sợi borosilicat      |
| Ghi chú vật liệu     | Tuân thủ RoHS        |
| trọng lượng sản phẩm | 834 g                |